

## 2

### I. Mô hình đào tạo

Các khối kiến thức của CTĐT

- **Toán và Khoa học cơ bản/Khoa học xã hội:** Đại cương (Giải tích, Đại số, Vật lý, Triết học... ) + Ngoại ngữ

- **Cơ sở cốt lõi ngành**

- Mô đun định hướng chuyên ngành (tự chọn)

- **Thực tập + Đồ án tốt nghiệp**

- **Kiến thức bổ trợ (kỹ năng mềm)**

### LÀM THẾ NÀO ĐỂ HỌC ĐÚNG TIẾN ĐỘ

-> **HỌC THEO HỌC KỲ CHUẨN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Học đại học khác gì với THPT? SINH VIÊN ĐẠI HỌC cần có Kỹ năng làm việc độc lập, Khả năng tự đọc – tự học, Khả năng làm chủ bản thân**

### II. KẾ HOẠCH HỌC TẬP

1. Kế hoạch học tập:

- Là một lịch trình được sắp xếp

- Thể hiện lộ trình học tập theo thời gian của một khóa học

2. Vai trò của kế hoạch học tập:

- Hỗ trợ người học đi đúng hướng; Đảm bảo được mục tiêu đầu ra

- Đảm bảo đúng tiến độ tại các thời điểm và cả quá trình

3. Xác định mục tiêu học tập

Mục tiêu học tập là phương hướng học tập của người học và phải đảm bảo ba thuộc tính:

**Tính vừa sức:** đề ra mục tiêu vừa sức bản thân

- Mục tiêu quá cao: khó thực hiện → dễ mất niềm tin vào bản thân

- Mục tiêu quá thấp: dễ đạt được → dễ nhàm chán, không tạo động lực để vươn lên

**Tính rõ ràng:** mục tiêu phải có thể đánh giá, kiểm tra, đối chiếu → để thấy rõ đã thực hiện đến đâu và cần bổ sung gì

**Tính cụ thể:** mục tiêu phải nêu lên được cách thức để đạt được những điều đã đề ra.

**\*Chú ý:** Người chịu trách nhiệm giám sát hoạt động học tập của sinh viên là chính bản thân sinh viên.

### III. LẬP KẾ HOẠCH TOÀN KHÓA:

1. Thiết lập kế hoạch học tập phù hợp với:

- Mục tiêu học tập

- Các nguồn lực và điều kiện của bản thân

- Tối ưu thời gian hoàn thành chương trình học tập.

2. Nên lập kế hoạch cho cả 4 năm học

3. Cần phải nắm vững chương trình đào tạo

- Các thông tin chung:

+ Trình độ khi tốt nghiệp; **điều kiện tốt nghiệp**; mục tiêu đào tạo; chuẩn kiến thức, kỹ năng người tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo chuẩn; hình thức đào tạo; cách xếp hạng kết quả học tập.

- Các thông tin chi tiết:

+ Khối học phần đại cương/cơ sở ngành bắt buộc/tự chọn/bổ trợ....

+ Điều kiện học tích hợp lên các bậc cao hơn...

+ Điều kiện mỗi học phần và cách đánh giá

+ Các chứng chỉ cần hoàn thành

### IV. LẬP KẾ HOẠCH HỌC TẬP TỪNG KỲ:

1. Nắm rõ các điều kiện học phần → lên kế hoạch đăng ký:

- Học phần học trước, song hành, tiên quyết
  - Cần lưu ý tới các học phần chỉ mở 1 lần/1 năm
2. Các học phần theo chương trình đào tạo: → Nhà trường sẽ lập kế hoạch mở lớp

- Ưu tiên đăng ký các môn bắt buộc trước
  - Với các môn tự chọn: tự lựa chọn theo mong muốn
  - + Các học phần chưa đạt: cần nhanh chóng đăng ký học lại
  - + Các học phần học vượt: cần đăng ký với các khóa trước
  - + Các học phần thay thế tương đương: cần nhanh chóng hoàn thành
  - Do cập nhật CTĐT không còn học phần cũ, sẽ khó mở lớp
4. Cần tư vấn với Giám đốc CTĐT, Văn phòng trường/khoa.

Lập kế hoạch học tập

☉ Khái niệm tương tự môn học trong THPT

Chuyên ngành tự chọn

- Học phần 1
- Học phần 2
- Học phần....

Mã số	Khối lượng	Đánh giá	Điều kiện
EE4040	3(3-1-0-6)	KT(0.3)-T(0.7)	EE4020

EE: Là Ký hiệu theo Khoa/Viện quản lý

4040: là Số hiệu

- 1xxx: Đại cương
- 2xxx: Cơ sở ngành
- 3xxx: Cốt lõi ngành
- 4xxx: Chuyên ngành (tự chọn)
- 5xxx: Chuyên ngành nâng cao

### 3(3-1-0-6) thì

số 3 ngoài ngoặc là Số tín chỉ

trong ngoặc: 3 là Số giờ lên lớp lý thuyết, 1 là Số giờ bài tập, 0 là Giờ TN/TH, 6 là Giờ tự học

KT(0.3) là Trọng số của điểm kiểm tra giữa kỳ

T(0.7) là Trọng số của điểm thi cuối kỳ

Học phần điều kiện

- Phải học trước
- Phải đạt (tiên quyết)
- Học song hành

### - 1 tín chỉ

- Tương đương 45 giờ học của sinh viên bao gồm cả giờ lên lớp và giờ tự học
- Một tín chỉ học phần thông thường bố trí 15 tiết giảng lý thuyết hoặc 30 tiết bài tập, thảo luận, thực hành, thí nghiệm

Học phần & Tín chỉ

**Học bao nhiêu tín chỉ 1 kỳ là đủ**

Trung bình: 33 tín chỉ/ 1 năm

**-> 15-17 tín chỉ/1 kỳ**

**CTĐT Cử nhân Tích lũy tối thiểu 132 tín chỉ (4 năm)**

**Số TC tối thiểu ≤ TC đăng ký/1 học kỳ ≤ Số TC tối đa**

- Yêu cầu tăng theo trình độ của sinh viên
- + Sinh viên cần tìm hiểu kỹ về quy định ngoại ngữ dành cho từng loại chương trình đào tạo
- Xem Quy định ngoại ngữ ở đâu
- + Cổng thông tin sinh viên → **Sổ tay** → Các Quy định và Biểu mẫu thường dùng

Cách tính điểm trong hệ tín chỉ

- **Thang điểm: Điều 5 Quy chế đào tạo**

- **Điểm chữ và qui đổi sang thang 4**

Điểm ở thang 10	Điểm chữ	Điểm số quy đổi theo thang 4
0 – 3.9	F	0
4 – 4.9	D	1
5 – 5.4	D+	1.5
5.5 – 6.4	C	2
6.5 – 6.9	C+	2.5
7.0 – 7.9	B	3
8.0 – 8.4	B+	3.5
8.5 – 9.4	A	4
9.5 – 10	A+	4

GPA & CPA là gì

**Cách ký hiệu theo chuẩn quốc tế**

- GPA: điểm trung bình của học kỳ
- + Tiếng Anh: Grade Point Average
- + Thể hiện năng lực học tập trong học kỳ đang xét
- CPA: điểm trung bình tích lũy từ khi vào trường
- + Tiếng Anh: Cumulative GPA
- + Thể hiện năng lực học tập qua nhiều kỳ

V. Cách tính GPA & CPA

**Hết học kỳ 1 sinh viên có kết quả như sau:**

Tín chỉ tích lũy được : 05 tín chỉ

Tín chỉ nợ ĐK : 03 tín chỉ

Tổng TC ĐK : 08 tín chỉ

Điểm trung bình tích lũy (GPA) học kỳ 1 là: **2.0**

Học phần	Điểm chữ	Điểm thang 4	Số tín chỉ của học phần	Điểm*Tín chỉ
<b>CH2000</b>	A	4	3	12
<b>EM1170</b>	C	2	2	4
<b>FL1129</b>	B	3	0	0

CM1234	F	0	3	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>8</b>	<b>16</b>		
<b>Điểm GPA</b>	<b>16:8 = 2.0</b>			

**19**

Cách tính GPA & CPA là gì

**Ví dụ minh họa**

**Ví dụ cách tính CPA:**

- **Tổng tín chỉ tích lũy: 22 TC**

+ **20191: 12 TC**

+ **20192: 10 TC**

- **Tổng tín chỉ nợ: 3 TC**

+ **20191: 0 TC**

+ **20192: 3 TC**

- **Điểm trung bình tích lũy (CPA):**

→ **điểm trung bình tích lũy CPA của SV tính từ kỳ 20191 đến hết kỳ 20192 là: 2.1**

$$\frac{[(2*3+2*3+0*2+4*1+4*1.5+0*1.5+0*2) + (4*3.5+3*3+0*2+0*2+3*2.5+3*0)]}{[(2+2+0+4+4+0+0) + (4+3+0+0+3+3)]} = 2.1$$

- GPA: Trung bình học kỳ

- CPA: Trung bình tích lũy các học kỳ

- TC qua: Số tín chỉ qua trong từng học kỳ

- TC tích lũy: Tổng số tín chỉ đã tích lũy được (đạt)

- TC nợ ĐK: Tổng số tín chỉ nợ

- TC ĐK: Tổng tín chỉ đăng ký

- Mức CC: Mức cảnh cáo ( mức 1; mức 2; mức 3)

- **Thiếu điểm:** Môn học chưa lên điểm

- **Không tính:** Học phần nằm ngoài CTĐT

- **Dự kiến XLHT:**

- **Xử lý chính thức:**

Học phần điểm F: không đạt → học lại

Trượt môn ta cần học lại và học lại vào KỲ SỚM NHẤT

Khi xét MÔN HỌC LẠI

- Nếu là môn học bắt buộc thì phải ĐK đúng môn học, đúng mã HP
- Nếu là môn học tự chọn thì học lại môn đó hoặc môn khác (sẽ tính điểm cao nhất)

### **VIII. Làm thế nào để thực hiện được kế hoạch HT**

#### **1. Nhận biết bản thân:**

- Cần tự biết những thói quen của bản thân
- Cần tự biết cá tính của bản thân

#### **2. Quy tắc sắp xếp thời gian khoa học:**

- Cần sắp xếp thời gian học tập một cách khoa học để đạt mục tiêu học tập của kỳ

- Khi sắp xếp thời gian phải đảm bảo 4 yếu tố:

- + Toàn diện

- + Hợp lý

- + Nổi bật trọng điểm

- + Dành khoảng thời gian trống

### **3. Lập thời gian biểu chi tiết**

- Cần bao nhiêu thời gian để tự học

- Lập lịch trình

- Lên kế hoạch chi tiết theo ngày

- Nếu lịch trình bận rộn → cần linh hoạt, sáng tạo

### **4. Tập trung và tự học**

- Đi học đúng giờ

- Tập trung tâm trí cho việc học tập

- Đọc trước mô tả học phần/đề cương chi tiết/kế hoạch giảng dạy học phần; Nắm rõ phương pháp kiểm tra đánh giá, trọng số học phần

### **5. Đảm bảo điều kiện học tập**

- Có đầy đủ giáo trình/sách tham khảo

- Dùng ứng dụng quản lý thời gian:

**25**

Thực hiện kế hoạch học tập

### **6. Cần tự đánh giá năng lực học tập của cá nhân**

- Có thể tự so sánh kết quả học tập với các bạn trong lớp

- Tự đánh giá với kết quả đó và thời gian đã đầu tư cho học tập như thế nào:

- + Kiểm tra lại mục tiêu khi kết thúc mỗi học kỳ để kịp thời điều chỉnh

- + Tránh tình trạng học thừa hay thiếu các học phần

### **\*\*\* Kiểm tra bảng theo dõi quá trình học tập:**

- Biết được tiến độ và kết quả học tập tốt hay chưa tốt

- Mức cảnh cáo đã giảm chưa, số tín chỉ còn nợ là bao nhiêu.

- Biết được khối lượng còn lại của CTĐT → quyết định có học cải thiện hay chỉ học các học phần còn thiếu.

- Xem lại các môn học thừa nếu là học tương đương/học thay thế thì phải gửi đơn xin chuyển điểm tương đương

Thực hiện kế hoạch học tập

### **CÁC ĐIỂM CẦN LƯU Ý:**

#### **1. Rèn luyện kỹ năng xây dựng lịch trình học tập:**

- Thống kê toàn bộ các học phần, số tín chỉ có trong từng học kỳ, năm học, khóa học (theo khung CTĐT).

- Xác định đăng ký các học phần phù hợp với năng lực và mục tiêu đã đề ra trong từng học kỳ.

#### **2. Căn cứ để theo dõi và đánh giá sự tiến bộ so với KH đề ra**

Kế hoạch tốt → kết quả học tập cao; Rút ngắn thời gian hoàn thành CTĐT.

#### **3. Cân bằng phân bổ thời gian**

Kế hoạch học tập giúp nhìn rõ phân bổ thời gian giữa học tập và các hoạt động xã hội, hoạt động tăng cường kỹ năng.

#### **4. Đặc biệt quan trọng đối với học tập theo hình thức online**

- Học online yêu cầu người học có tính tự giác cao
- Tự rèn luyện bản thân theo kế hoạch mà không có người nhắc nhở.

#### **5. Bám sát lịch trình đã đặt ra**

- Kế hoạch học tập có hiệu quả khi được tuân thủ triệt để
- Nên phát triển một kế hoạch học tập mà có thể tuân theo trong cả học kỳ. Điều chỉnh kế hoạch khi chuyển đổi lớp học mỗi học kỳ

**6. Hình thành một thói quen học tập hàng ngày:** Luôn ghi chép bài đầy đủ, nghe giảng đầy đủ

#### **7. Tự lập bảng theo dõi quá trình học tập:**

- Cho phép tổng hợp các học phần đã đạt và chưa đạt → chủ động đăng ký các kỳ tiếp theo
- Tổng hợp được điểm trung bình của các học phần → có cần học cải thiện hay không
- Kiểm tra lại mục tiêu khi kết thúc mỗi học kỳ
- Tránh tình trạng học thừa hay thiếu các học phần thuộc CTĐT

#### **8. Đánh giá những ưu điểm và hạn chế của bản thân:**

- Thực hiện sau mỗi một học kỳ
- Tự nhận biết ưu điểm và hạn chế của bản thân → kịp thời điều chỉnh hoạt động học tập phù hợp với mục tiêu đã đề ra